

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:

Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 313/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Kim A, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh Từ Đức T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Hiền Đ, xã Phước T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A và anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và A Từ Đức T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trở nên trầm trọng bắt đầu từ tháng 11 năm 2021 vợ chồng cãi nhau to tiếng, anh T đe dọa giết chị, thường xuyên nhảu tin hù dọa sẽ tự tử nếu vợ chồng ly hôn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với A T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Từ Lưu A Tr, sinh ngày 04/10/2008 và Từ Đức Anh T, sinh ngày 19/3/2012. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu A T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Chị A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 7 năm 2022, bị đơn A Từ Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: A thống nhất với lời trình bày của chị A về cơ sở tiền hôn nhân. Giữa A và chị A có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, A xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung: A và chị A có hai con chung là Từ Lưu A Tr, sinh ngày 04/10/2008 và Từ Đức Anh T, sinh ngày 19/3/2012, nếu vợ chồng ly hôn A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Từ Lưu A Tr, giao cháu Từ Đức Anh T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng nhưng nếu con ở với chị A, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai không có.

A T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của chị Lưu Thị Kim A.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị A nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lưu Thị Kim A và bị đơn A Từ Đức T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết: A Từ Đức T cư trú tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, chị A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với A T. Đây là trA chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và A T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 17 tháng 9 năm 20007 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị A và A T có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường gây gỗ, cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị A yêu cầu được ly hôn, A T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để chị A và anh T đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng hôn nhân của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của bị đơn nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị A và anh T có hai con chung là Từ Lưu A Tr, sinh ngày 04/10/2008 và Từ Đức Anh T, sinh ngày 19/3/2012. Chị A có yêu cầu được nuôi cả hai con chung, còn A T có yêu cầu được nuôi cháu Từ Lưu A Tr, giao cháu Từ Đức Anh T cho chị A nuôi dưỡng, nếu con ở với chị A, anh T cũng đồng ý.

Xét thấy, hiện chị A có mức thu nhập và chỗ ở ổn định có khả năng nuôi con. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Từ Lưu A Tr nhưng nếu cháu ở với mẹ thì A đồng ý. Cháu Tr hiện đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu có nguyện vọng được sống với mẹ . Do đó chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị A. Giao các cháu Từ Lưu A Tr, sinh ngày 04/10/2008 và Từ Đức Anh T, sinh ngày 19/3/2012 cho chị Lưu Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị A nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[6] Nợ chung: Các đương sự khai không nên không xem xét.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện Long Thành phù hợp chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Lưu Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị Kim A, xử cho chị A được ly hôn với anh Từ Đức T.

Về con chung: Giao các cháu Từ Lưu A Tr, sinh ngày 04/10/2008 và Từ Đức Anh T, sinh ngày 19/3/2012 cho chị Lưu Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Từ Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lưu Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005561 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị A đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai ;
- VKSND H. Long Thành;
- THA H. Long Thành,
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên